

# Vài ý kiến về quyền của người bản địa TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

■ Bùi Minh Hào

Từ lâu nay, chúng ta vẫn nói nhiều đến quyền của các dân tộc thiểu số. Điều đó xác đáng vì nếu không đảm bảo những quyền lợi cơ bản thì cộng đồng nào cũng sẽ gặp khó khăn. Nhưng quyền cũng phải thay đổi cho phù hợp trong quá trình phát triển. Nghĩa là trong bối cảnh cụ thể, cần xây dựng, trao quyền và tăng quyền trong một số vấn đề khác để bổ sung cho phù hợp với thực tiễn phát triển của họ. Trong giai đoạn sắp tới, bên cạnh đảm bảo các quyền từ trước đến nay thì cần phải tập trung nhấn mạnh đến một số quyền quan trọng cho người bản địa. Đặc biệt là các quyền trên ba phương diện quan trọng của cuộc sống. Trước hết là các quyền tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển liên quan đến họ. Thứ hai là các quyền cơ bản trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, bao gồm các quyền như: Quyền đảm bảo lợi ích cộng đồng; Quyền sở hữu các nguồn lực cơ bản; Quyền tham gia vào quá trình xây dựng chiến lược, chính sách phát triển liên quan đến họ; Và quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng, bảo vệ thương hiệu thuộc về cộng đồng. Thứ ba là các quyền cơ bản liên quan đến quá trình sản xuất tri thức, bao gồm các quyền như: Quyền được tham gia vào quá trình sản xuất tri thức; Quyền được thẩm định các tri thức liên quan đến họ; Quyền được thể hiện tiếng nói của cá nhân và cộng đồng trong quá trình phát triển. Chúng ta có thể phân tích thêm về các quyền cụ thể này để hiểu hơn về nhu cầu cuộc sống của người bản địa trong giai đoạn tới.



Bên cạnh dân tộc chính là người Kinh, Nghệ An có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống

### **1. Quyền của người bản địa trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển**

Từ giữa thế kỷ XX, khi Đảng và Nhà nước bắt đầu xây dựng và thực hiện các chính sách dân tộc thì vấn đề tạo điều kiện để người dân tham gia vào việc thực hiện chính sách dân tộc cũng đã được quan tâm. Người dân chủ yếu tham gia vào việc hoạch định chính sách dân tộc qua bộ máy chính trị ở chính quyền địa phương từ hội đồng nhân dân đến các tổ chức chính trị - xã hội. Cách tham gia gián tiếp này qua thời gian đã tỏ ra không thực tiễn và thiếu hiệu quả. Cho nên, trong giai đoạn tới, để chính sách dân tộc có hiệu quả hơn thì cần phải thay đổi phương pháp xây dựng và thực hiện chính sách. Trong đó, cần phải tăng quyền và trao quyền cho người dân tộc thiểu số tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách. Quan trọng nhất là các quyền sau: Quyền được tham gia vào quá trình xây dựng chính sách liên quan; Quyền được tham gia thực hiện các chính sách liên quan; Quyền được tham gia đánh giá tác động của chính sách đến cuộc sống của mình; Quyền được trao đổi ý kiến để sửa đổi chính sách, dừng hoặc tiếp tục chính sách liên quan đến cuộc sống của mình.

Để thực hiện được các quyền trên của người dân tộc thiểu số thì trước tiên phải đặt họ vào vị trí khác, không chỉ là trọng tâm mà còn là chủ thể, không chỉ là đối tượng mà còn là mục tiêu, không chỉ là hưởng thụ chính sách mà còn tham gia thực thi chính sách. Vậy nên, khi bước vào xây dựng chính sách dân tộc thì cần phải làm phân tích các bên liên quan, cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Từ đó xác định vai trò của từng bên liên quan và mức độ tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc. Làm sao để người dân thể hiện được những quyền cơ bản của mình trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách là vấn đề nan giải. Trước nay, người dân chỉ tham gia gián tiếp qua hệ thống chính trị và chính quyền địa phương, mà nhiều lúc cách thực hiện cũng mang nặng tính hình thức hơn là thực chất. Vậy nên, có thể nói, người dân rất thụ động trong quá trình thực hiện chính sách trong cơ chế xin - cho. Họ chủ yếu là hưởng thụ thụ động chính sách mà chưa tham gia vào quá trình thực hiện chính sách. Nên hiệu quả chính sách thấp mà tác động tiêu cực lại dễ nảy sinh hơn. Để hạn chế điều đó thì cần xây dựng chính sách từ dưới lên, bắt đầu từ nhu cầu và mong muốn của người dân. Từ đó tăng quyền và

trao quyền tham gia quá trình xây dựng chính sách cũng như thực hiện chính sách dân tộc của người dân tộc thiểu số. Trong quá trình thực hiện chính sách cần phải trân trọng tiếng nói của người dân. Lâu nay người dân vẫn thể hiện các ý kiến của mình về các chính sách dân tộc liên quan đến cuộc sống của họ thông qua những kênh khác nhau mà chủ yếu là trao đổi giữa các cá nhân, nhóm với nhau về những ý kiến của mình. Điều này tạo ra các dư luận xã hội về vấn đề thực hiện chính sách dân tộc. Những dư luận đó vẫn chưa được quan tâm và xử lý phù hợp. Sắp tới cần phải đưa tiếng nói người dân thành kênh chính thức để đánh giá chất lượng quá trình thực hiện chính sách chứ không chỉ là dư luận xã hội. Bên cạnh đó, đương nhiên cũng phải quan tâm xem xét và xử lý những vấn đề mà dư luận xã hội quan tâm một cách phù hợp và đúng đắn.

Trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, cần đặt ý kiến của người dân ở vị trí trung tâm để đánh giá mức độ tác động và hiệu quả chính sách, nhất là khi người dân cho rằng cần sửa đổi chính sách cho hợp lý, thậm chí dừng các chính sách thiếu hiệu quả.

### **2. Quyền của người bản địa trong quá trình phát triển kinh tế thị trường**

#### **2.1. Quyền đảm bảo lợi ích cộng đồng**

Chúng ta trước nay nói nhiều đến cộng đồng, nhưng thực sự cộng đồng là một khái niệm trừu tượng, mơ hồ và khó xác định. Nhưng ít ra, nói đến cộng đồng là nói đến một nhóm được chia sẻ những giá trị văn hóa với nhau và nhiều yếu tố khác. Có nhiều cấp độ như buôn/làng/bản/sóc... Hay các nhóm địa phương, các tộc người. Có cộng đồng chỉ là thôn, làng, buôn, bản. Các nhóm địa phương cũng được coi là một cộng đồng. Các tộc người cũng vậy. Nhiều khi cả quốc gia dân tộc cũng được coi là một cộng đồng. Và cộng đồng nào thì cũng luôn biến đổi. Vậy nên, để cộng đồng tiếp tục được phát triển thì cần phải bảo vệ

những lợi ích của họ. Sự thay đổi các đơn vị hành chính trong nhiều năm qua và cuộc cải cách hành chính hiện nay đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến cộng đồng. Nhiều sinh hoạt văn hóa trước đây thuộc về cộng đồng nhưng sau đó đã nhà nước hóa như lễ hội, di tích... Nhiều trường hợp, những người ngoài là quan chức địa phương hay quản lý các ngành là người thuộc cộng đồng khác tự nhiên trở thành chủ lễ của một cộng đồng và có quyền quyết định chương trình cũng như chỉ đạo quá trình diễn ra lễ hội. Nó làm tổn thương đến quyền lợi của cộng đồng. Vậy nên, cần phải xem xét nghiêm túc việc trả lại quyền lợi, lợi ích cho các cộng đồng. Lợi ích cộng đồng lâu nay không được bảo vệ vì còn thiếu hoặc chưa hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến vấn đề này. Một ngôi đền hay chùa trước đây thường do một cộng đồng đóng góp và xây dựng nên để phục vụ nhu cầu đời sống tâm linh của họ. Sau đó được xếp hạng di tích và chuyển về cho cơ quan nhà nước quản lý. Và khi du lịch phát triển, những di tích này có nguồn thu không nhỏ thì đều nộp vào ngân sách. Như vậy là từ một sản phẩm của sự đóng góp cộng đồng đã chuyển giao cho nhà nước quản lý và cộng đồng từ chỗ chủ thể bỗng trở thành khách thể. Đây cũng

là một trong những nguyên nhân làm cho các lễ hội bị thay đổi, mai một và tách rời với các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Tương tự như vậy, nhiều sản phẩm vốn dĩ thuộc về cộng đồng và do họ sáng tạo ra nay đang được các doanh nghiệp tiếp nhận và đưa vào thị trường một cách ào ạt nhưng cộng đồng đó không nhận được lợi ích gì. Điều này dễ nhận biết nhất là các sản phẩm hàng hóa được sản xuất từ tri thức dân gian của các cộng đồng. Làm thế nào để bảo vệ lợi ích cộng đồng là một vấn đề khó khăn. Nhưng cái cần làm trước tiên và quan trọng nhất là trả lại vị thế chủ thể cho cộng đồng bản địa, trả lại các sinh hoạt văn hóa cũng như nhiều hoạt động khác thuộc về cộng đồng đó cho cộng đồng đó quản lý. Tức là trao quyền sở hữu nguồn lực văn hóa liên quan lại cho cộng đồng, nhà nước có thể hỗ trợ hợp lý chứ không can thiệp sâu vào việc thực hành của họ.

### **2.2. Quyền sở hữu các nguồn lực cơ bản**

Việc sở hữu những nguồn lực cơ bản là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi cộng đồng lẫn cá nhân. Những nguồn lực như đất, nước, rừng là nguồn lực cơ bản. Với người dân tộc thiểu số, các nguồn lực cơ bản còn quan trọng hơn vì họ chưa có điều kiện tiếp cận các nguồn lực mới, các nguồn lực mềm như thông tin, công nghệ, mạng lưới xã hội hiện đại... Trước đây, các nguồn lực cơ bản thuộc sở hữu và quản lý của



Các sinh hoạt văn hóa cần do cộng đồng bản địa quản lý  
(Lễ hội đền Chín Gian - huyện Qué Phong)

cộng đồng. Đất rừng hay nước đều thuộc về các làng, bản, buôn, sóc cụ thể và họ quản lý theo các luật tục, phong tục tập quán và các thể chế riêng của họ. Các triều đại phong kiến nối dài cánh tay thống trị của mình lên vùng dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa nhưng vẫn giữ lại quyền sở hữu các nguồn lực cơ bản của các cộng đồng. Sau khi giành độc lập thì nhà nước ta tiến hành quốc hữu hóa các nguồn lực cơ bản, đưa quyền sở hữu về thuộc nhà nước. Điều này làm thay đổi mạnh mẽ đến các cộng đồng dân tộc thiểu số bởi họ chủ yếu sống dựa vào đất, rừng, sông, biển, đặc biệt các cộng đồng ở miền núi vốn gắn với rừng. Những phương thức kiếm sống trước đây đã trở thành kỹ năng quan trọng và có nhiều kinh nghiệm do nhiều đời truyền đạt lại bị hạn chế khi các nguồn lực chuyển sang sở hữu nhà nước và người dân không được tự do khai thác như trước. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tình trạng nghèo đói vùng dân tộc thiểu số trở nên phổ biến. Việc trao trả lại toàn bộ quyền sở hữu các nguồn lực cơ bản cho người bản địa có lẽ là một cuộc cách mạng, một sự thay đổi lớn và không dễ xảy ra nhanh chóng được. Nhưng cũng phải tính toán đến những vấn đề liên quan đến trao trả, tăng quyền khai thác các nguồn lực cơ bản cho người dân, đồng thời hỗ trợ người dân tiếp cận các nguồn lực mềm mới để họ phát triển bền vững hơn và tránh các xung đột trực diện.

### ***2.3. Quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng, bảo vệ thương hiệu thuộc về cộng đồng***

Người bản địa có những quy tắc về bảo vệ lợi ích cộng đồng từ những tài sản thuộc về cộng đồng. Cộng đồng nào cũng có những tài sản chung, trong đó quan trọng là hệ thống tri thức dân gian, vốn là kết tinh từ kinh nghiệm sản xuất, trải nghiệm xã hội và quá trình thích nghi với điều kiện môi trường sống của nhiều thế hệ để lại. Đó là một nguồn lực quý giá của các cộng đồng. Trước đến nay, người dân vẫn bảo tồn và phát huy nguồn lực đó một cách phù hợp để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Nhưng cũng phải nói rõ rằng, đó là trong nền kinh tế truyền thống mang tính tự cung tự cấp là chủ yếu, còn các hoạt động kinh tế hàng hóa tương đối chậm phát triển.

Hiện nay, quá trình thương mại hóa văn hóa nói chung và thương mại hóa tri thức dân gian nói riêng đang ngày càng mạnh mẽ. Ở các dân tộc, các vùng miền khác nhau thì quá trình này cũng thể hiện khác nhau tùy theo sự phát triển của kinh tế thị trường cũng như trình

độ phát triển của các tộc người. Có những cộng đồng, các sản phẩm từ tri thức dân gian đã trở thành hàng hóa có thương hiệu và được buôn bán ở nhiều nơi trong và ngoài nước. Có những cộng đồng thì mới bắt đầu làm quen với quá trình thương mại hóa các tri thức dân gian. Mỗi địa phương, mỗi tộc người, mỗi cộng đồng đều có những đặc trưng riêng trong quá trình thương mại hóa các tri thức dân gian cũng như thương mại hóa văn hóa. Cách thức vận hành hay việc tổ chức quá trình thương mại hóa tri thức dân gian phổ biến ở Việt Nam trong nhiều năm qua là nhà nước hay các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ và giúp đỡ người dân xây dựng các hợp tác xã hay các câu lạc bộ để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ tri thức dân gian của mình. Việc tổ chức như vậy thu hút được nhiều người dân địa phương tham gia, nhất là trong giai đoạn đầu của các dự án còn gắn với các nguồn vốn hỗ trợ. Nó cũng làm cho người dân có những trải nghiệm thị trường nhất định, làm nâng cao năng lực văn hóa của người dân cũng như cán bộ quản lý. Tuy nhiên, càng phát triển thì càng xuất hiện nhiều hạn chế, nhất là trong việc tiếp cận thị trường của người dân, làm cho hiệu quả kinh tế cũng không cao mà gây thất thoát về nguyên liệu thì lớn hơn. Cách tiếp cận thị trường tự do như vậy cũng dẫn đến những xung đột về quyền lợi, lợi ích trong việc sở hữu trí tuệ với các sản phẩm từ tri thức dân gian. Và cao hơn nữa, đó là những sự xung đột văn hóa giữa các cộng đồng với nhau.

Trong quá trình thương mại hóa tri thức dân gian, thương mại hóa văn hóa truyền thống sẽ không tránh khỏi những xung đột văn hóa. Những người kinh doanh các sản phẩm văn hóa thường là những người ngoài cộng đồng chủ thể nên dễ đẩy cả người kinh doanh, người thụ hưởng và cộng đồng chủ thể đi đến

xung đột. Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi xuất hiện hàng loạt các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ tri thức dân gian của nhiều cộng đồng khác nhau. Phổ biến nhất là các sản phẩm từ tri thức dân gian về y dược học cổ truyền, thủ công nghiệp truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Các doanh nghiệp này hoặc đầu tư kỹ năng, hoặc đầu tư vốn tài chính, hoặc đầu tư công nghệ, kỹ nghệ vào sản xuất các sản phẩm hàng hóa dựa trên nền tảng tri thức dân gian của các cộng đồng nhất định. Một số sản phẩm được đăng ký bản quyền, đăng ký nhãn hiệu, một số thì chưa, nhưng những thông tin như vậy không phải lúc nào cộng đồng chủ thể cũng nắm được. Về mặt tích cực, những hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp này cũng góp phần làm cho bức tranh kinh tế của miền núi sán lạn hơn, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân qua việc tạo công ăn việc làm. Cùng với đó, người dân cũng tham gia vào một số công đoạn như đi lấy nguyên liệu, trông và thu gom nguyên liệu để bán lại cho các doanh nghiệp. Nhiều người còn sản xuất ra các sản phẩm như vậy theo phương thức truyền thống để bán cho khách hàng với giá cao hơn. Nói cách khác, những hoạt động này làm cho quá trình thương mại hóa tri thức dân gian thêm mạnh mẽ hơn. Nhưng rồi, như một quy luật, khi người dân bản địa có những trải nghiệm thị trường nhất định, họ nhận thức được những tri thức của mình đang bị chiếm đoạt một cách tràn lan thì họ bắt đầu ý thức về việc bảo vệ. Và đến một lúc nào đó, khi hiểu biết của người dân bản địa về sở hữu trí tuệ, về đăng ký bản quyền, về lợi ích thương mại được nâng cao, lúc đó sẽ xuất hiện những cuộc đụng độ mạnh mẽ với các doanh nghiệp và những vụ kiện tụng là không tránh khỏi. Nó giống như các trường hợp ở nhiều nước trên thế giới. Tất nhiên, nếu có cái nhìn xa hơn, rộng hơn và sâu hơn, Việt Nam, với lợi thế là một nước đi sau, sẽ có

thể đưa ra những quyết sách hợp lý hơn, hạn chế được những cuộc đụng độ về lợi ích đó. Nhưng xem ra, viễn cảnh đó vẫn còn xa vời lắm, nhất là trong thời điểm hiện tại, trên nhiều phương diện, cả người dân, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp lẫn các nhà khoa học, vẫn còn khá mù mờ trong vấn đề này.

Vậy nên, để đảm bảo quyền lợi cho người bản địa, cần có những quy trình chặt chẽ hơn trong việc xây dựng hành lang pháp lý để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng, bảo vệ thương hiệu các sản phẩm thuộc về cộng đồng, hay được sản xuất từ nguồn vốn văn hoá của cộng đồng bản địa trước sự xâm lấn của các doanh nghiệp. Điều này sẽ vô cùng phức tạp khi mà hai chữ “cộng đồng” là một khái niệm trừu tượng nên việc xác định quyền bảo hộ cũng sẽ khó khăn. Nhưng điều đó không có nghĩa là không làm được mà cần phải làm chặt chẽ, cụ thể và nghiêm túc hơn. Dù mất nhiều thời gian và công sức hơn nhưng sẽ giúp chúng ta tránh được những cuộc xung đột lợi ích và xung đột xã hội mà hệ quả của nó thì vô cùng tận.

### **3. Quyền của người bản địa trong quá trình sản xuất tri thức về họ**

Người bản địa vốn trở thành một đối tượng nghiên cứu trong khoa học xã hội từ nhiều năm trước. Nó bắt nguồn từ chủ nghĩa thực dân châu Âu sau các cuộc phát kiến địa lý. Ban đầu, nghiên cứu về người bản địa để phục vụ mục đích cai trị và khai thác thuộc địa, vốn được gắn với tư tưởng xem người bản địa là lạc hậu, kém phát triển và chủ nghĩa thực dân đến khai hóa để giúp họ phát triển, giúp họ hiện đại hơn. Quá trình giải phóng dân tộc cũng là một quá trình giải phóng các cư dân bản địa khỏi chủ nghĩa thực dân. Nhưng tư tưởng xem người bản địa là lạc hậu và cần giúp đỡ vẫn tồn tại và nhiều khi là thống trị trong quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ. Cho đến hiện nay, các nhà nghiên cứu khoa học vẫn coi người bản địa là một đối tượng nghiên cứu mà họ sản xuất tri thức để phục vụ cho các mục tiêu của họ. Hiện nay, tri thức trở thành một nguồn lực, một của cải nhưng cũng là một sợi dây liên kết con người với các nhóm khác. Vậy nên, trong quá trình phát triển kinh tế thị trường cần tăng quyền và trao quyền cho người bản địa trong quá trình sản xuất



Người bản địa cần được thẩm định và tham gia trong quá trình sản xuất các tri thức về họ

tri thức liên quan đến họ. Trong đó, có ít nhất các quyền cơ bản sau cần được quan tâm.

### **3.1. Quyền được tham gia vào quá trình sản xuất tri thức**

Trong quá trình toàn cầu hóa, các viện nghiên cứu, các trường đại học đang tham gia vào cuộc chạy đua xếp hạng quốc tế, các nhà nghiên cứu cũng ngày càng tham gia sâu rộng hơn vào cuộc chơi công bố quốc tế. Họ sản xuất tri thức về người bản địa để tập trung cho công việc mà họ gọi là “nghiên cứu” mà mục tiêu là hoàn thành các đề tài, luận án, bài luận để công bố quốc tế. Những điều đó giúp họ tăng thêm thu nhập, có thể thăng tiến, trở thành các chuyên gia quốc tế có quyền uy trong giới học thuật. Nhưng người bản địa, vốn là đối tượng nghiên cứu của họ nhận được gì từ các nghiên cứu của họ lại là một vấn đề khác. Thậm chí, trong lịch sử, nhiều cộng đồng đã phải hứng chịu những nỗi đau đớn, tủi nhục chứ không phải là lợi ích từ những tri thức mà các nhà nghiên cứu sản xuất ra liên quan đến họ. Bởi người bản địa đã đứng ngoài quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ.

Để có sự bình đẳng trong quá trình sản xuất tri thức liên quan đến cuộc sống của người bản địa thì cần phải nâng cao năng lực và tạo điều kiện để người bản địa tham gia nhiều hơn vào quá trình sản xuất tri thức. Điều này hoàn toàn có thể vì nhận thức của người bản địa đang ngày càng thay đổi. Họ đang hướng đến làm chủ quá trình sản xuất tri thức về mình nếu được hỗ trợ, chia

sẽ về phương pháp. Vậy nên, cần phải phát triển các phương pháp nghiên cứu mới để tăng quyền và trao quyền sản xuất tri thức liên quan cho người bản địa như nghiên cứu hợp tác, nghiên cứu chia sẻ, câu chuyện cuộc đời... Về cơ bản, việc thực hiện các phương pháp này là quá trình các chuyên gia nghiên cứu chuyên nghiệp hợp tác với những người bản địa để sản xuất tri thức liên quan đến họ và họ cũng được chia sẻ những giá trị của những tri thức đó, nhiều khi bao gồm cả bản quyền sáng tạo. Bắt đầu từ việc các chuyên gia chia sẻ, tập huấn và giúp đỡ về phương pháp cho người bản địa để họ tham gia vào quá trình sản xuất tri thức. Sau đó, dần để cho người dân tự chủ động trong quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ.

### **3.2. Quyền được thẩm định các tri thức liên quan đến họ**

Từ trước đến nay, việc sản xuất tri thức khoa học vẫn thuộc lĩnh vực độc quyền của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia. Họ sản xuất tri thức về người bản địa và lưu hành nó thông qua nhiều hình thức khác nhau từ bài luận, luận văn, luận án, sách, rồi nhiều dạng

tài liệu khác. Việc thẩm định chất lượng của những tri thức đó cũng do các chuyên gia, các hội đồng khoa học trong lĩnh vực đó. Người bản địa không có quyền tham gia vào quá trình thẩm định đó. Trong bối cảnh xã hội trước đây, những người bản địa có thể không biết đến sự tồn tại của những sản phẩm của quá trình sản xuất tri thức nên họ cũng không quan tâm. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, ít nhiều người bản địa cũng có thể tìm thấy những sản phẩm đã công bố rộng rãi liên quan đến cuộc sống của họ. Vậy nên cần tăng quyền cho người bản địa để họ tham gia thẩm định các sản phẩm của quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ. Họ có quyền được biết, được bàn luận, thảo luận về những tri thức liên quan đến họ, vừa giúp họ hiểu hơn về quá trình nghiên cứu, về bản thân mình, vừa giúp các nhà nghiên cứu có thể đối thoại, chia sẻ và thảo luận thêm về quan điểm của mình với những người bản địa là đối tượng nghiên cứu của họ.

Dù phân chia thành hai quyền khác nhau là quyền tham gia vào quá trình sản xuất tri thức và quyền tham gia vào quá trình thẩm định tri thức liên quan đến người bản địa nhưng cũng phải nói rằng cần thiết phải thực hiện hai quyền này song song với nhau. Khi người bản địa được tham gia nhiều vào quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ thì họ cũng được nâng cao năng lực để thẩm định những tri thức liên quan đến họ được sản xuất ra. Còn việc tổ chức cho người bản địa tham gia thẩm định như thế nào cho phù hợp thì cần linh động trong những trường hợp cụ thể. Quan điểm cốt lõi là phải tôn trọng ý kiến của người bản địa và đưa nó thành tiêu chí để đánh giá, thẩm định.

### ***3.3. Quyền được thể hiện tiếng nói cá nhân và cộng đồng trong quá trình phát triển***

Xét cho cùng thì đây là tổng hợp tất cả các quyền trên lại. Nhưng trên phương diện bản thể luận thì vẫn cần tách bạch ra. Ý kiến cá nhân và ý kiến cộng đồng rất cần thiết, quan trọng trong quá trình phát triển của các cá nhân và cộng đồng đó. Những định kiến vốn tồn tại lâu năm vô hình trung đã giết chết tiếng nói cá nhân lẫn tập thể về những vấn đề liên quan

đến họ. Người ta vẫn cho rằng người bản địa lạc hậu, dân trí thấp nên chưa nhận thức được nhiều vấn đề và cần phải giúp đỡ để phát triển, bao gồm luôn cả việc giúp đỡ phát biểu ý kiến. Sau đó, trên nhiều phương diện khác nhau, người ta đã sửa sai những định kiến đó theo từng mức độ. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, cần phải trân trọng ý kiến của họ và xem đó là cơ sở quan trọng để xây dựng những chính sách liên quan đến quá trình phát triển của họ.

Người bản địa có quyền thể hiện ý chí của mình, thể hiện tiếng nói của mình theo cách nghĩ của họ, theo quan điểm của họ. Và chính quyền cần trân trọng những ý kiến đó để xử lý sao cho phù hợp chứ không lấy các thước đo bên ngoài vào đánh giá các ý kiến của người dân. Xử lý các việc liên quan đến người bản địa cần xem xét trong bối cảnh văn hoá xã hội trong các “trường” của họ thì mới tìm thấy sự phù hợp. Muốn vậy cần phải hiểu họ, lắng nghe họ thật sự, chứ không phải làm theo hình thức, lấy ý kiến cơ sở nhưng toàn cán bộ nói và theo quan điểm của cán bộ. Đương nhiên, người dân cũng là một khái niệm không rõ ràng, nên cũng trăm ngàn ý kiến. Nói vậy không phải để bỏ qua ý kiến của họ mà phải tìm ra phương pháp phù hợp để họ thể hiện ý kiến của mình. Ví dụ tham vấn cộng đồng để người dân tham gia làm chủ nhằm xử lý các vấn đề xã hội liên quan đến họ được giới nghiên cứu phát triển sử dụng trong nhiều năm qua đã chứng minh được tính hiệu quả của nó dựa trên nguyên tắc thể hiện ý kiến cá nhân và tổng kết dựa trên ý kiến chung của cộng đồng nhưng các cá nhân tham gia đều đồng ý chấp thuận.

Nói tóm lại, trong hơn nửa thế kỷ qua, Việt Nam đã quan tâm nhiều đến cuộc sống của người dân tộc thiểu số, của người bản địa. Từ pháp luật đến hệ thống chính sách phát triển đều coi trọng điều đó và hướng đến mục tiêu là làm cho người dân tộc thiểu số được bình đẳng, phát triển và ngày thêm ấm no. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, quá trình phát triển đòi hỏi phải nhận thức sâu hơn, nhất là trong quá trình hội nhập với thế giới bên ngoài, cần phải làm rõ hơn về các quyền cơ bản của người bản địa. Từ đó có những phương pháp tăng quyền và trao quyền cho người dân một cách hợp lý để giúp họ làm chủ quá trình phát triển của chính mình hơn nữa./.